TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bản án số: 177/2023/DS-PT	
Ngày: 15 - 06 - 2023	
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Cao Khánh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập

Ông Đặng Minh Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Nhi - Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Từ Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 59/2023/TLPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 220/2022/DS-ST ngày 28/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 124/2022/QĐ-PT ngày 27 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đinh Quốc T, sinh năm 1973 (có mặt);

Bà Huỳnh Thị T1, sinh năm 1972 (có mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Khánh D (có mặt); Địa chỉ: Số H, Đ, khóm D, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hiền T2, sinh năm 1967 (có mặt);

Bà Lê Hồng N, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Ông Nguyễn Hiền T2, sinh năm 1967; địa chỉ: Ấp X, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Văn bản ủy quyền ngày 15/12/2022) (có mặt).

***- Người kháng cáo*:** Bà Lê Hồng N và ông Nguyễn Hiền T2.

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Đầu năm 2014 do có mối quan hệ quen biết nên ông T, bà T1 có cho ông T2, bà N mượn số tiền 520.000.000 đồng, khi mượn không có làm biên nhận và hứa 10 ngày sẽ hoàn trả lại cho ông T và bà T1. Đến khoảng 05 ngày sau ông T2, bà N lại đến hỏi mượn ông T và bà T1 thêm 01 lượng vàng 18k và hứa sẽ trả cùng lúc với tiền mượn. Sau khi nhận tiền, vàng thì ông T2, bà N không thực hiện trả nợ như thỏa thuận mà chỉ trả nhiều lần được 140.000.000 đồng cho đến nay.

Đến khoảng tháng 10/2014 ông T2, bà N và vợ chồng ông T và bà T1 thống nhất xác định ông T2, bà N còn thiếu lại vợ chồng ông T và bà T1 380.000.000 đồng và 01 lượng vàng 18k và ông T2, bà N hứa đến tháng 01/2015 trả tiền vàng cho vợ chồng ông T và bà T1 nhưng ông T2, bà N không thực hiện việc trả nợ. Do đó, vợ chồng ông T và bà T1 yêu cầu Tổ hoà giải ấp X, xã Q, huyện Đ hoà giải. Tại phiên hoà giải ngày 20/01/2022 ông T2, bà N hứa trả nhưng đến nay ông T2, bà N vẫn không thực hiện việc trả nợ cho vợ chồng ông T và bà T1.

Ông Đinh Quốc T và bà Huỳnh Thị T1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Hiền T2 và bà Lê Hồng N trả lại cho ông T và bà T1 số tiền vay 280.000.000 đồng và 01 lượng vàng 18k. Và yêu cầu tính lãi suất 10%/năm số tiền 280.000.000 đồng vay từ ngày 01/01/2015 đến ngày 01/11/2022 là 07 năm 10 tháng x lãi suất 10%/năm bằng 219.334.000 đồng. Và thực hiện việc trả cho ông T, bà T1 số tiền hụi ông T, bà T1 đóng thay 100.000.000 đồng và lãi suất 100.000.000 đồng từ ngày 09/02/2019 đến ngày 09/11/2022 là 03 năm 07 tháng x lãi suất 10%/năm bằng 35.834.000 đồng. Tổng cộng buộc bà N, ông T2 phải trả cho ông T, bà T1 số tiền 380.000.000 đồng, 01 lượng vàng 18K và tiền lãi 255.168.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Hiền T2 và bà Lê Hồng N trả lại số tiền vốn 380.000.000 đồng và 01 lượng vàng 18k. Và yêu cầu tính lãi suất số tiền 380.000.000 đồng theo quy định đến ngày xét xử sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Lê Hồng N trình bày: Trước đây bà có mượn và vay tiền của ông T và bà T1. Sau đó vợ chồng bà trả còn thiếu lại số tiền 280.000.000 đồng, khi đó ông T và bà T1 tính lãi suất 3.000.000 đồng/100.000.000 đồng/tháng. Vợ chồng bà đóng lãi cho ông T và bà T1 từ khi vay đến năm 2020. Do từ năm 2020 đến nay vợ chồng bà làm ăn gặp khó khăn nên không đóng lãi tiếp cho ông T và bà T1. Ngoài ra, bà xác định bà có thiếu tiền hụi của ông T và bà T1 số tiền 100.000.000 đồng và 01 lượng vàng 18k. Bà xác định vợ chồng bà còn thiếu ông T, bà T1 tổng cộng 380.000.000 đồng (trong đó tiền vay 280.000.000 đồng và tiền hụi 100.000.000 đồng) và 01 lượng vàng 18k. Nay bà đồng ý cùng ông T2 trả cho ông T, bà T1 380.000.000 đồng và 01 lượng vàng 18k.

Đối với yêu cầu của ông T và bà T1 tính lãi số tiền 380.000.000 đồng lãi suất 10%/năm số tiền 380.000.000 đồng vay từ ngày 01/01/2015 đến ngày 01/11/2022 là 297.667.000 đồng bà không đồng ý vì tiền lãi bà đóng cho bà T1 và ông T đủ từ khi vay đến năm 2020 và số lãi bà đã đóng cho bà T1 và ông T đã nhiều nên bà không đồng ý trả lại theo yêu cầu của ông T và bà T1.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 220/2022/DS-ST *ngày 28/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau đã quyết định:*

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 92, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 13 và khoản 1 Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Quốc T và bà Huỳnh Thị T1.

Buộc ông Nguyễn Hiền T2 và bà Lê Hồng N trả cho ông Đinh Quốc T và bà Huỳnh Thị T1 tổng số tiền vay và lãi là 490.833.000 đồng. Trong đó tiền vốn là 380.000.000 đồng và tiền lãi 35 tháng 110.833.000 đồng và 10 (mười) chỉ vàng 18k.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, trường hợp thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 12/01/2023 ông Nguyễn Hiền T2 và bà Lê Hồng N1 kháng cáo, yêu cầu xem xét lại khoản lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông T2 đồng ý với thời gian tính lãi từ 01/01/2020 và lãi xuất 10%/năm nhưng do ông đã đóng lãi 72 tháng với số tiền lãi là 820.800.000 đồng và hiện hoàn cảnh quá khó khăn, ông kháng cáo xin bỏ toàn bộ phần lãi, chỉ đồng ý trả 280.000.000 đồng tiền vay, 100.000.000 đồng tiền nợ hụi và 01 lượng vàng 18k.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tiến hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; Các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hiền T2 và bà Lê Hồng N1, giữ y Bản án sơ thẩm số 220/2022/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn kháng cáo của ông Nguyễn Hiền T2 và bà Lê Hồng N1 nộp trong thời hạn qui định của pháp luật. Về tố tụng, quan hệ tranh chấp, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết đã được cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng theo qui định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của ông T2 và bà N1, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Tại "Biên bản hòa giải" vào lúc 10h ngày 20/01/2022 được lập tại trụ sở Văn hóa ấp X (bút lục 08), có nội dung: "…Vợ chồng ông T2 có đồng ý mượn của ông T 280.000.000 đồng tiền mượn và 100.000.000 đồng tiền hụi và 01 lượng vàng 18k. Ông Nguyễn Hiền T2 hứa nếu bán được nền nhà sẽ trả hết số tiền đã thiếu. nếu

chưa bán được thì nuôi tôm mỗi vụ trả 5.000.000 đồng, nếu lời nhiều trả nhiều (vụ 3 tháng). Vợ chồng ông T đồng ý với lời hứa của vợ chồng ông T2…Đến giờ này hai bên đồng ý vợ chồng ông T2 nhận thiếu ông T 280.000.000 đồng tiền mượn và 100.000.000 đồng tiền hụi và 01 lượng vàng 18k".

[2.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Trần Hoàng H là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định từ khi vay tiền của tiệm V, ông T2, bà N có trả lãi (bút lục 69).

[2.3] Tại "Đơn xin thay đổi, bổ sung một phần đơn khởi kiện", ông T, bà T1 xác định số nợ 100.000.000 đồng của tiệm V1, chuyển qua chơi hụi của chị Trịnh Thu H1 để trả nợ lại cho tiệm V 100.000.000 đồng.

Từ những căn cứ trên, cho thấy số tiền nợ 100.000.000 đồng phía ông T2, bà N1 có trả lãi (số lãi cụ thể đôi bên đều không xác định) và sau đó chuyển qua chơi hụi để hốt trả cho tiệm V. Như vậy, số nợ hụi 100.000.000 đồng khi chơi hụi là đã có lãi. Do đó, số nợ hụi chỉ được tính lãi từ khi các bên kết toán tại "Biên bản hòa giải" ngày 20/01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (28/12/2022), là 11 tháng 08 ngày (338 ngày), lãi suất nguyên đơn yêu cầu 10% là phù hợp. Do đó, số tiền lãi của khoản nợ hụi 100.000.000 đồng được tính như sau:

(100.000.000đ x 10%/năm x 338 ngày) : 365 ngày = 9.260.000 đồng.

Đối với số nợ vay 280.000.000 đồng, do ông T2, bà N1 thừa nhận từ năm 2020 không thực hiện đóng lãi, do đó án sơ thẩm tính lãi từ ngày 01/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (28/12/2022) là có căn cứ. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất là 10%/năm, là phù hợp. Do đó, số tiền lãi của khoản vay 280.000.000 đồng được tính như sau:

(280.000.000đ x 10%/năm x 1.078 ngày) : 365 ngày = 82.696.000 đồng

Tổng lãi của 2 khoản nêu trên:

9.260.000 đồng + 82.696.000 đồng = 91.956.000 đồng.

Cộng vốn và lãi, bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 380.000.000 đồng + 91.956.000 đồng = 471.956.000 đồng và 01 lượng vàng 18k.

Việc ông T2, bà N1 trình bày là có đóng lãi 72 tháng với số tiền lãi là 820.800.000 đồng nhưng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh, phía ông T không thừa nhận do đó lời trình bày của ông T2 và bà N1 nêu trên không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

[3] Từ những căn cứ và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận 1 phần kháng cáo của ông T2 và bà N1, sửa 1 phần bản án dân sự sơ thẩm số 220/2022/DS-ST ngày 28/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau về lãi suất.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông T2, bà N phải nộp 22.878.000 đồng Do ông bà có đơn xin giảm án phí, xét giảm ½, còn phải nộp 11.439.000 đồng.

Ông T, bà T1 không phải nộp án phí, đã dự nộp, được nhận lại.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông T2, bà N không phải nộp, đã dự nộp, được nhận lại.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1.1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Hiền T2 và bà Lê Hồng N.

Sửa một phần Bản án số: 220/2022/DS-ST ngày 28/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Buộc ông Nguyễn Hiền T2 và bà Lê Hồng N trả cho ông Đinh Quốc T và bà Huỳnh Thị T1 tổng số tiền 471.956.000đ (bốn trăm bảy mươi mốt triệu chín trăm năm mươi sáu ngàn đồng) và 10 (mười) chỉ vàng 18k.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

1.2. Về án phí

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hiền T2 và bà Lê Hồng N phải chịu 11.439.000 (mười một triệu bốn trăm ba mươi chín ngàn đồng).

Ông Đinh Quốc T và bà Huỳnh Thị T1 không phải chịu, ngày 09/11/2022 đã dự nộp 8.302.000 đồng (biên lai số 0013231) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, được nhận lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Hiền T2 và bà Lê Hồng N không phải chịu. Vào ngày 27/01/2023 ông T2 và bà N mỗi người đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0013518, 0013519 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;*
- *Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

Đỗ Cao Khánh